VAI TRÒ CỦA CỘNG ĐỒNG NGƯỜI VIỆT TẠI VÙNG VIỄN ĐÔNG NƯỚC NGA TRONG THÚC ĐẨY QUAN HỆ VIỆT NAM - NGA

THE ROLE OF THE VIETNAMESE COMMUNITY IN THE RUSSIAN FAR EAST IN PROMOTING VIETNAM - RUSSIA RELATIONS

Nguyễn Thị Ngọc Anh*, Nguyễn Hoài Anh

Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng, Việt Nam[1]

*Tác giả liên hệ / Corresponding author: ntngocanh@ufl.udn.vn

(Nhận bài / Received: 01/3/2026; Sửa bài / Revised: 11/4/2026; Chấp nhận đăng / Accepted: 15/4/2026)

DOI: 10.31130/ud-jst.2026.24(5B).280

Tóm tắt - Trong khuôn khổ Đối tác chiến lược toàn diện, cộng đồng người Việt tại Viễn Đông nước Nga giữ một vai trò quan trọng. Đặc biệt, trong bối cảnh Nga đang đẩy mạnh chiến lược "Hướng Đông" và Việt Nam nỗ lực đa dạng hóa quan hệ đối ngoại, việc nhận diện đúng tiềm năng và vị thế của nguồn lực kiều bào tại địa bàn chiến lược này mang tính cấp thiết cả về mặt lý luận lẫn thực tiễn. Bằng cách sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính kết hợp với nghiên cứu trường hợp, bài viết làm rõ đóng góp của cộng đồng này trên các phương diện hợp tác kinh tế, giao lưu văn hóa và ngoại giao nhân dân. Kết quả cho thấy cộng đồng đã góp phần tăng cường liên kết thương mại và sự hiểu biết lẫn nhau giữa hai nước, dù vẫn đối mặt với nhiều thách thức về pháp lý và hội nhập. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất các hàm ý chính sách nhằm phát huy hiệu quả vai trò cầu nối của cộng đồng người Việt trong việc thúc đẩy quan hệ song phương bền vững.

Từ khóa - Cộng đồng người Việt; Viễn Đông nước Nga; quan hệ Việt Nam – Nga; ngoại giao nhân dân; người Việt Nam ở nước ngoài.

Abstract - Within the framework of the Comprehensive Strategic Partnership, the Vietnamese community in the Russian Far East plays a crucial role. Particularly, in the context of Russia's intensified "Look East" strategy and Vietnam's efforts to diversify its foreign relations, accurately identifying the potential and position of the Vietnamese diaspora in this strategic region is crucial both theoretically and practically. Using a qualitative research approach combined with a case study, this article clarifies the contributions of this community in economic cooperation, cultural exchange, and people-to-people diplomacy. The results show that the community has contributed to strengthening trade links and mutual understanding between the two countries, despite facing numerous legal and integration challenges. Based on this, the study proposes policy implications to enhance the bridging role of the Vietnamese community in promoting sustainable bilateral relations.

Key words - Vietnamese community; Russian Far East; Vietnam–Russia relations; people-to-people diplomacy; overseas Vietnamese.

1. Đặt vấn đề

Trong thế kỷ XXI, quan hệ Đối tác chiến lược toàn diện Việt Nam – Nga tiếp tục là trụ cột ưu tiên trong chính sách đối ngoại của cả hai nước. Các tuyên bố chung cấp cao giai đoạn 2021–2024 đã xác lập tầm nhìn chiến lược đến năm 2030, nhấn mạnh việc làm sâu sắc hơn nữa sự hợp tác dựa trên nền tảng hữu nghị truyền thống bền chặt [1]. Trong bối cảnh đó, việc phát huy các chủ thể phi nhà nước, đặc biệt là thông qua ngoại giao nhân dân, trở thành yêu cầu cấp thiết để hiện thực hóa các cam kết chính trị thành kết quả thực tiễn. Hiện nay, vùng Viễn Đông đóng vai trò trung tâm trong chính sách "Hướng Đông" của Nga, được xác định là ưu tiên quốc gia với các cơ chế đặc thù như Cảng tự do Vladivostok nhằm thúc đẩy hội nhập khu vực châu Á - Thái Bình Dương [2]. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy sự kết nối kinh tế - văn hóa giữa Việt Nam và khu vực này vẫn chưa tương xứng với tiềm năng, phần lớn do rào cản về ngôn ngữ, văn hóa và thông tin thị trường [3], [4]. Trong cấu trúc đó, cộng đồng người Việt Nam tại vùng Viễn Đông (chủ yếu tại Primorsky và Khabarovsk) nổi lên như một tác nhân quan trọng [5]. Theo tinh thần Nghị quyết 36-NQ/TW và Kết luận 12-KL/TW, đây không chỉ là bộ phận không tách rời của dân tộc mà còn là nguồn lực trực tiếp tham gia vào mạng lưới logistics và ngoại giao nhân dân tại địa bàn [6], [7]. Sự hiện diện của cộng đồng này chính là "cầu nối" sống động giúp hóa giải các rào cản văn hóa và thúc đẩy giao thương biên mậu. Mặc dù vai trò của kiều bào tại Nga đã được đề cập trong một số công trình, song các nghiên cứu chuyên sâu về đặc thù của cộng đồng tại vùng Viễn Đông – một địa bàn có vị trí địa chiến lược nhạy cảm và khác biệt – vẫn còn là một khoảng trống học thuật. Do đó, việc thực hiện nghiên cứu "Vai trò của cộng đồng người Việt tại vùng Viễn Đông trong quan hệ Việt - Nga hiện nay" là cần thiết nhằm đánh giá thực trạng, nhận diện rào cản và đề xuất giải pháp thúc đẩy quan hệ song phương đi vào chiều sâu.

2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp định tính làm chủ đạo, kết hợp với phân tích tài liệu thứ cấp và phương pháp phân tích - tổng hợp. Cách tiếp cận này cho phép nghiên cứu không chỉ tiếp cận được thực tiễn sinh động về đặc điểm của cộng đồng người Việt tại vùng Viễn Đông nước Nga trong bối cảnh mới mà còn xem xét sâu sắc các cơ chế chính sách liên quan, từ đó nhận diện rõ những ưu điểm và

[1] The University of Danang - University of Foreign Language Studies, Vietnam (Nguyen Thi Ngoc Anh, Nguyen Hoai Anh)

hạn chế trong việc phát huy vai trò cầu nối của cộng đồng này. Nguồn dữ liệu đầu vào được khai thác chủ yếu từ các văn bản chính sách, hiệp định hợp tác và các công bố chính thức của chính phủ hai nước Việt Nam và Nga. Sau khi được thu thập và tổng hợp, các tài liệu này sẽ được tiến hành phân tích, đối chiếu và hệ thống hóa nhằm làm sáng tỏ các câu hỏi nghiên cứu, tạo cơ sở vững chắc cho các đề xuất và giải pháp kiến nghị ở phần sau của nghiên cứu.

3. Cơ sở lý luận và thực tiễn

3.1. Khái niệm và cơ sở lý thuyết liên quan

3.1.1. Khái niệm Cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài

Theo quy định tại khoản 3 điều 3 Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008, Cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài được xác định bao gồm "công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài, là công dân Việt Nam cư trú, sinh sống lâu dài ở nước ngoài, và người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, là người Việt Nam đã từng có quốc tịch Việt Nam mà khi sinh ra quốc tịch của họ được xác định theo nguyên tắc huyết thống và con em, cháu chắt của họ đang cư trú, sinh sống lâu dài ở nước ngoài" [8]. Như vậy, về mặt pháp lý, cộng đồng này không chỉ bao gồm những người còn giữ quốc tịch Việt Nam mà còn bao gồm cả những người đã nhập quốc tịch nước sở tại nhưng có nguồn gốc huyết thống Việt Nam. Ngoài ra, tại Nghị quyết số 36-NQ/TW của Bộ Chính trị đã khẳng định: "Người Việt Nam ở nước ngoài là bộ phận không tách rời và là nguồn lực của cộng đồng dân tộc Việt Nam" [6]. Đây là một sự mở rộng khái niệm về mặt không gian địa lý: Dân tộc Việt Nam không chỉ gói gọn trong biên giới lãnh thổ mà còn bao gồm cả những người đang sinh sống trên khắp thế giới. Khái niệm "Cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài" do đó mang tính chất một thực thể thống nhất về văn hóa, lịch sử và ý thức cội nguồn gắn kết chặt chẽ dù có sự khác biệt về địa vị pháp lý hay môi trường sống.

3.1.2. Khái niệm Ngoại giao nhân dân

Ngoại giao nhân dân, hay đối ngoại nhân dân, được xác định là một trong ba trụ cột nòng cốt của nền ngoại giao toàn diện Việt Nam, đóng vai trò tạo lập và củng cố nền tảng xã hội vững chắc cho các quan hệ quốc tế. Theo Chỉ thị số 12-CT/TW (2022) của Ban Bí thư, đây là hoạt động đối ngoại của các tổ chức nhân dân và cá nhân nhằm xây dựng lòng tin, tăng cường sự hiểu biết và tranh thủ sự ủng hộ rộng rãi của dư luận thế giới [9]. Trong bối cảnh đất nước bước vào kỷ nguyên mới, nghiên cứu của Sơn nhấn mạnh sự chuyển dịch của ngoại giao nhân dân sang hướng toàn diện và hiện đại hơn, trọng tâm là phục vụ phát triển kinh tế thông qua việc huy động các nguồn lực phi nhà nước [10]. Với đặc tính linh hoạt và khả năng tiếp cận sâu rộng đến các tầng lớp xã hội khác nhau, ngoại giao nhân dân không chỉ giúp hóa giải các rào cản văn hóa mà còn tạo điều kiện để kiều bào thực hiện vai trò "đại sứ nhân dân", góp phần bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc từ sớm, từ xa.

3.1.3. Vai trò của cộng đồng người Việt hải ngoại trong quan hệ quốc tế hiện đại

Trong cấu trúc quan hệ quốc tế đương đại, cộng đồng người Việt đã chuyển mình mạnh mẽ từ đối tượng thụ hưởng các chính sách bảo hộ sang chủ thể tích cực đóng góp vào sức mạnh tổng hợp của quốc gia. Ở phương diện "quyền lực mềm", kiều bào là lực lượng tiên phong trong việc quảng bá hình ảnh đất nước và các giá trị văn hóa Việt Nam, tạo dựng môi trường dư luận quốc tế thuận lợi cho các hoạt động đối ngoại chính thức. Về kinh tế, cộng đồng kiều bào là mạng lưới trung gian hiệu quả nhất giúp kết nối giao thương, logistics và chuyển giao tri thức quốc tế về trong nước [10]. Hơn nữa, theo tinh thần Kết luận số 12-KL/TW (2021), vị thế chính trị - xã hội ngày càng tăng của kiều bào tại các nước sở tại còn giúp họ trở thành nhân tố vận động quan trọng, trực tiếp bảo vệ lập trường quốc gia và hóa giải các thách thức địa chính trị phức tạp [7]. Sự gắn kết này tạo nên một thế trận đối ngoại đa tầng, giúp Việt Nam thích ứng linh hoạt và nâng cao vị thế trên trường quốc tế.

3.2. Tổng quan về vùng Viễn Đông nước Nga

3.2.1. Vị trí địa lý và đặc điểm kinh tế - xã hội

Viễn Đông nước Nga là vùng lãnh thổ rộng lớn chiếm khoảng 40% diện tích nước Nga, giữ vị trí cầu nối chiến lược giữa lục địa Á - Âu và khu vực Châu Á - Thái Bình Dương. Với đường bờ biển kéo dài tiếp giáp Thái Bình Dương và biên giới trực tiếp với các nền kinh tế năng động như Trung Quốc, khu vực này đóng vai trò là cửa ngõ logistics quan trọng trên trục Đông - Tây. Về mặt kinh tế, Viễn Đông sở hữu trữ lượng tài nguyên thiên nhiên khổng lồ, đặc biệt là khoáng sản, hải sản và lâm nghiệp, đóng góp đáng kể vào tiềm lực xuất khẩu của Nga. Tuy nhiên, đặc điểm xã hội của vùng đối mặt với thách thức lớn về mật độ dân cư thưa thớt và sự thiếu hụt nguồn nhân lực tại chỗ. Điều này tạo ra một "điểm nghẽn" trong việc hiện thực hóa tiềm năng kinh tế dồi dào, thúc đẩy Nga phải triển khai các cơ chế thu hút ngoại lực và lao động nhập cư từ các đối tác quốc tế.

Sự tương phản về nhân khẩu học tại khu vực biên giới là một trong những đặc điểm xã hội gay gắt nhất của vùng Viễn Đông. Tại các dải đất giáp ranh giữa Nga và Trung Quốc thuộc khu vực Siberia, một sự chênh lệch khổng lồ về mật độ dân cư đang hiện hữu: trong khi phía Nga chỉ có khoảng 6 triệu người, thì phía đối diện thuộc Trung Quốc lại tập trung tới 90 triệu dân. Hệ quả của sự mất cân bằng này, kết hợp với các hoạt động giao thương lâu đời từ thập niên 1980, đã tạo nên một hiện tượng tâm lý xã hội đáng chú ý: người dân địa phương tại Siberia dần hình thành cảm giác gần gũi với trung tâm kinh tế Bắc Kinh hơn là trung tâm chính trị Moscow [11]. Tình trạng này không chỉ dừng lại ở giao lưu văn hóa mà còn lấn sâu vào cấu trúc sở hữu kinh tế. Các số liệu thực tế cho thấy sự bành trướng của dòng vốn và lao động láng giềng đã dẫn đến việc người Trung Quốc thuê đất dài hạn với giá rẻ trên quy mô lớn. Đáng quan ngại hơn, tại một số địa bàn trọng điểm giáp tỉnh Hắc Long Giang, tỷ lệ đất đai do các thực thể Trung Quốc kiểm soát thực tế đã chạm ngưỡng 85% [11]. Điều này biến thách thức thiếu hụt nhân lực tại chỗ thành một sự lệ thuộc sâu sắc vào nguồn lực từ bên ngoài.

3.2.2. Tầm quan trọng của vùng Viễn Đông trong chính sách đối ngoại của Nga

Trong cấu trúc đối ngoại của Nga thế kỷ XXI, Viễn Đông đã chuyển mình từ một vùng biên viễn thành trọng

tâm của chiến lược "Hướng Đông". Theo Thông điệp Liên bang năm 2013, phát triển Siberia và vùng Viễn Đông được xác định là một chủ đề tách biệt và ưu tiên, trong đó Tổng thống Putin (2013) đề xuất thiết lập một mạng lưới các địa bàn đặc thù nhằm tạo điều kiện thu hút cho các ngành công nghiệp phi tài nguyên, đặc biệt là hướng tới xuất khẩu. Theo phân tích của Christoffersen, chính sách này không chỉ nhằm đa phương hóa các quan hệ kinh tế mà còn là nỗ lực của Nga trong việc khẳng định vị thế cường quốc tại khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương [12]. Việc xác định Viễn Đông là "ưu tiên quốc gia cho toàn bộ thế kỷ XXI" đóng vai trò là kim chỉ nam để Nga hội nhập sâu hơn vào chuỗi giá trị châu Á và thực thi các sáng kiến hợp tác đa phương trong bối cảnh địa chính trị mới [2].

Trong bối cảnh Nga nỗ lực tái định vị vị thế thông qua chiến lược "Hướng Đông", vùng Viễn Đông không chỉ là một dự án địa kinh tế mà còn mang hàm ý sâu xa về địa chính trị. Theo [13], việc xác lập vị thế tại đây giúp Nga kiến tạo một thế cân bằng mới, khẳng định vai trò là cường quốc Á - Âu trung tâm trong một không gian mở rộng và tránh nguy cơ bị cô lập bởi các trục quyền lực phương Tây. Tuy nhiên, đằng sau tham vọng hội nhập này là một "bài toán chủ quyền" đầy nhạy cảm. Mối lo ngại về một cuộc "chinh phục hòa bình" – thuật ngữ được cố Bộ trưởng Quốc phòng Pavel Grachev đưa ra từ năm 1995 – vẫn là một trong những mối quan ngại chủ chốt trong chính sách đối ngoại của Nga tại khu vực này. Sự hiện diện áp đảo của người Trung Quốc thông qua các cộng đồng nhập cư và gia đình đa chủng tộc tạo ra một kịch bản rủi ro dài hạn: khi người nhập cư dần thẩm thấu vào hệ thống chính trị địa phương, họ có thể tạo ra những biến đổi về diện mạo lãnh thổ và pháp lý trong 20-30 năm tới [11]. Do đó, chiến lược phát triển Viễn Đông của Nga buộc phải vận hành trong trạng thái lưỡng nan: một mặt khao khát dòng vốn từ châu Á để khai thác khoáng sản và lâm nghiệp, mặt khác phải cảnh giác cao độ trước tiến trình "xâm lược dân số" có thể đe dọa trực tiếp đến toàn vẹn lãnh thổ tại vùng đất giàu tài nguyên nhưng thưa dân này.

3.2.3. Chính sách của Nga về thu hút lao động và đầu tư nước ngoài vào khu vực

Để hiện thực hóa tầm nhìn chiến lược "Hướng Đông", Nga đã triển khai những cơ chế kinh tế mang tính đột phá, mà hạt nhân là việc thiết lập các "vùng lãnh thổ đặc biệt" với những đặc quyền hấp dẫn nhằm thu hút dòng vốn quốc tế. Ngay từ Thông điệp Liên bang năm 2013, Tổng thống Putin đã thẳng thắn nhìn nhận các vấn đề phức tạp liên quan đến di cư lao động, từ đó đặt ra yêu cầu cấp bách về việc cải thiện hệ thống cấp phép (patent system) và siết chặt trách nhiệm của người sử dụng lao động.

Nghiên cứu của Torkunov và cộng sự chỉ ra rằng, dù đã đạt được những thành tựu nhất định trong việc xoay trục kinh tế sang châu Á, Nga vẫn đang phải vật lộn với bài toán thiếu hụt nhân lực trầm trọng và các rào cản hành chính còn tồn đọng [3]. Trong bối cảnh đó, sự hiện diện của các đối tác chiến lược như Việt Nam không chỉ là một lựa chọn mà đã trở thành một nhân tố quan trọng giúp bù đắp lỗ hổng nguồn lực. Khuôn khổ quan hệ Đối tác chiến lược toàn diện giữa hai nước chính là bệ phóng vững chắc, cho phép cộng đồng người Việt khai thác hiệu quả các ưu đãi về đầu tư và lao động tại Viễn Đông, qua đó đóng góp thiết thực vào sự thịnh vượng chung của cả hai quốc gia [14].

Xét về thực tiễn địa lý, do vị trí nằm cách xa các trung tâm kinh tế lớn phía Tây, vùng Viễn Đông dù sở hữu tiềm năng tài nguyên "vô song" nhưng lại gặp trở ngại lớn trong việc lôi kéo các nhà đầu tư mới bởi hạ tầng chưa đồng bộ và khí hậu khắc nghiệt. Nhằm hóa giải những "điểm nghẽn" này, chính phủ Nga đã xây dựng hệ thống đòn bẩy kinh tế đặc thù, trọng tâm là các Khu kinh tế đặc biệt tiên tiến (ASEZ) và Cảng tự do Vladivostok (FPV). Hiệu quả của các chính sách này đã được chứng minh qua những con số cụ thể: chỉ tính đến năm 2021, hệ thống phát triển nhanh chóng của Viễn Đông đã thu hút hơn 2.600 dự án đầu tư triển khai, tạo ra khoảng 66.000 việc làm mới. Điều này cho thấy Viễn Đông đang dần trở thành một "đại công trường" đầy hứa hẹn, nơi mà sự năng động của cộng đồng người Việt có thể kết nối sâu sắc vào chuỗi giá trị mới của nước Nga [15].

3.3. Quan hệ Việt Nam - Nga trong bối cảnh hiện nay

3.3.1. Quá trình phát triển quan hệ Việt Nam - Nga

Quan hệ Việt Nam - Nga là mối quan hệ có bề dày lịch sử, được tôi luyện qua nhiều giai đoạn biến động của tình hình quốc tế. Khởi đầu từ nền tảng hữu nghị bền chặt giữa Việt Nam và Liên Xô, mối quan hệ này đã chuyển mình mạnh mẽ sau khi Hiệp ước về những nguyên tắc cơ bản của quan hệ hữu nghị được ký kết năm 1994. Bước đột phá quan trọng xảy ra vào năm 2001 khi hai nước thiết lập quan hệ Đối tác chiến lược, và sau đó được nâng cấp lên mức Đối tác chiến lược toàn diện vào năm 2012. Quá trình phát triển này không chỉ là sự kế thừa truyền thống mà còn là sự thích ứng linh hoạt trước những thách thức địa chính trị mới. Sự kiện kỷ niệm 30 năm thực hiện Hiệp ước hữu nghị và chuyến thăm cấp Nhà nước của Tổng thống Vladimir Putin tới Việt Nam vào tháng 6/2024 đã một lần nữa khẳng định tính ổn định, tin cậy và tầm quan trọng chiến lược của mối quan hệ này trong chính sách đối ngoại của cả hai quốc gia.

3.3.2. Nội dung chính của quan hệ Đối tác chiến lược toàn diện giữa Việt Nam và Nga

Trong giai đoạn hiện nay, nội hàm của quan hệ Đối tác chiến lược toàn diện Việt - Nga được triển khai sâu rộng trên tất cả các trụ cột trọng yếu. Theo nghiên cứu của Giang, sự hợp tác này tập trung vào các lĩnh vực then chốt như an ninh - quốc phòng, năng lượng dầu khí và thương mại song phương [14]. Đặc biệt, thông qua việc thực thi Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh Kinh tế Á - Âu (EAEU), hai bên đã tạo ra khung pháp lý quan trọng để thúc đẩy dòng chảy hàng hóa và đầu tư. Quan hệ đối tác không chỉ giới hạn ở cấp độ chính phủ mà còn mở rộng sang sự phối hợp chặt chẽ trên các diễn đàn đa phương và khu vực. Nội dung hợp tác còn đặc biệt chú trọng đến việc hiện thực hóa các cam kết trong "Tầm nhìn quan hệ Đối tác chiến lược toàn diện đến năm 2030", trong đó nhấn mạnh việc phát triển kinh tế số, công nghệ cao và bền vững nhằm tương xứng với tiềm năng của cả hai nước.

3.3.3. Vai trò của yếu tố con người trong quan hệ song phương

Trong cấu trúc quan hệ song phương, yếu tố con người được xem là "sức mạnh mềm" và là nền tảng xã hội vững chắc nhất bảo đảm cho sự phát triển bền vững của tình hữu nghị Việt - Nga. Vai trò này trước hết thể hiện qua đội ngũ hàng vạn cán bộ, chuyên gia Việt Nam từng học tập tại Nga – những người đóng vai trò là nhịp cầu văn hóa và tri thức giữa hai dân tộc. Cộng đồng người Việt định cư và làm việc tại Nga, đặc biệt là tại vùng Viễn Đông, chính là chủ thể trực tiếp của ngoại giao nhân dân [7]. Theo tinh thần Kết luận số 12-KL/TW (2021), yếu tố con người không chỉ dừng lại ở giao lưu tình cảm mà đã trở thành một nguồn lực kinh tế và đối ngoại quan trọng. Sự thấu hiểu về ngôn ngữ, văn hóa và phong tục tập quán của cộng đồng kiều bào giúp giảm thiểu rào cản trong các hoạt động xúc tiến đầu tư và thương mại. Chính sự kết nối bền bỉ ở cấp độ nhân dân đã tạo nên một mạng lưới quan hệ đa tầng, giúp duy trì lòng tin chiến lược ngay cả trong những giai đoạn tình hình thế giới có nhiều biến động phức tạp.

4. Cộng đồng người Việt Nam tại vùng Viễn Đông nước Nga: Tình hình và vai trò hiện tại

4.1. Quá trình hình thành và đặc điểm của cộng đồng người Việt tại Viễn Đông nước Nga

Quá trình hình thành cộng đồng người Việt tại Viễn Đông nước Nga gắn liền với các giai đoạn biến động của lịch sử quan hệ song phương, bắt đầu từ những làn sóng hợp tác lao động và đào tạo dưới thời Liên Xô. Theo nghiên cứu của Ryazantsev và cộng sự [5], dòng di cư từ Việt Nam không chỉ mang tính lịch sử mà còn mở ra các đặc thù xã hội và cơ hội kinh tế quan trọng cho nước Nga. Sau thập niên 1990, xu hướng di cư chuyển dần sang hình thức định cư tự do với mục đích kinh doanh thương mại và lao động thời vụ, tập trung chủ yếu tại các trung tâm logistics như Vladivostok và Khabarovsk. Về cơ cấu nghề nghiệp, cộng đồng có sự phân hóa đa dạng: từ các doanh nhân làm chủ doanh nghiệp trong lĩnh vực may mặc, thực phẩm đến đội ngũ chuyên gia và sinh viên. Đặc điểm nổi bật của nhóm cư dân này là khả năng thích nghi cao với môi trường khí hậu khắc nghiệt và sự gắn kết chặt chẽ thông qua các tổ chức hội đoàn. Điều này tạo nên một thực thể kinh tế - xã hội năng động, trực tiếp góp phần bù đắp sự thiếu hụt nhân lực tại vùng Viễn Đông trong bối cảnh dân số Nga tại đây đang có xu hướng sụt giảm.

Trong bức tranh tổng thể về cộng đồng người Việt tại Nga, nhóm cư dân tại Viễn Đông - với hạt nhân là khoảng 1.500 người tại thành phố Vladivostok - thể hiện những đặc tính thích nghi kinh tế rất khác biệt so với các trung tâm truyền thống như Moscow hay Saint Petersburg. Nếu như tại các đô thị phía Tây, người Việt thường bị giới hạn trong các mô hình thương mại chợ lẻ do những rào cản lịch sử về quy định di trú, thì tại Viễn Đông, cấu trúc ngành nghề đã có sự phân hóa mang tính dịch vụ và kỹ thuật cao hơn. Sự hiện diện của mạng lưới khoảng 50 cơ sở chuyên nghiệp trong ngành làm đẹp cùng các hoạt động trong lĩnh vực xây dựng đã minh chứng cho khả năng nắm bắt nhu cầu nội địa của người Việt, biến họ thành một thành phần hữu cơ trong nền kinh tế vùng thay vì chỉ là những đơn vị bán lẻ tách biệt [15]. Hơn thế nữa, vai trò của cộng đồng người Việt tại đây còn đóng vai trò như một "mắt xích" quan trọng trong việc hiện thực hóa các cam kết thương mại cấp quốc gia. Kim ngạch trao đổi hàng hóa song phương giữa Việt Nam và vùng Viễn Đông đã ghi nhận bước nhảy vọt ấn tượng, từ mức dưới 60 triệu USD vào năm 2015 lên tiệm cận con số 300 triệu USD vào năm 2023 [20]. Sự tăng trưởng gấp 5 lần này không chỉ phản ánh lợi thế về logistics đường biển và vị trí cửa ngõ của Vladivostok mà còn cho thấy tư duy kinh tế của người Việt tại đây đang chuyển dịch mạnh mẽ sang hướng chuyên nghiệp hóa và hội nhập sâu. Khả năng duy trì sự đoàn kết và tương trợ trong các giai đoạn khủng hoảng, điển hình là đại dịch COVID-19, không chỉ giúp cộng đồng tồn tại mà còn nâng cao vị thế của người Việt trong mắt chính quyền sở tại, góp phần tạo ra một đối trọng xã hội tích cực trong bối cảnh Nga đang nỗ lực cân bằng các ảnh hưởng ngoại lực tại vùng biên viễn này [17].

4.2. Vai trò thúc đẩy hợp tác kinh tế Việt Nam - Nga

Trong cấu trúc kinh tế của vùng Viễn Đông, cộng đồng người Việt không chỉ là một bộ phận cư dân đơn thuần mà đã trở thành những tác nhân trực tiếp vận hành dòng chảy thương mại và dịch vụ song phương. Nhờ lợi thế đặc thù về khả năng thấu hiểu thị trường bản địa, kiều bào đã thiết lập thành công các mạng lưới phân phối, đưa hàng tiêu dùng và nông sản Việt Nam thâm nhập sâu rộng vào các tỉnh biên giới Nga. Vượt ra ngoài phạm vi thương mại thuần túy, cộng đồng này còn đảm nhận vai trò của một thực thể tư vấn chiến lược, hỗ trợ đắc lực cho các doanh nghiệp trong nước trong việc tiếp cận hệ thống thông tin thị trường và điều hướng các quy định pháp lý sở tại vốn nhiều phức tạp. Chính sự hiện diện của mạng lưới kinh doanh người Việt tại các địa bàn đặc thù như Cảng tự do Vladivostok đã tạo ra một "lớp đệm" an toàn, giúp giảm thiểu rủi ro và hóa giải các rào cản cho dòng vốn đầu tư từ Việt Nam [14].

Những đóng góp của kiều bào tại khu vực này chính là minh chứng sinh động cho nền ngoại giao phục vụ phát triển kinh tế, không chỉ thúc đẩy tăng trưởng GDP vùng mà còn củng cố vững chắc vị thế Đối tác chiến lược toàn diện trong kỷ nguyên mới [10]. Minh chứng điển hình, đóng vai trò là "ngọn cờ đầu" trong làn sóng đầu tư này, chính là dự án trang trại bò sữa của tập đoàn TH. Với tổng vốn đầu tư lên đến 19 tỷ Rúp (tương đương hơn 5.200 tỷ VNĐ), quy mô 6.000 con bò vắt sữa và khai thác vùng nguyên liệu rộng 13.000 ha tại Primorsky Krai [19], dự án này không chỉ là một con số tài chính mà còn là biểu tượng cho sự gắn kết kinh tế bền chặt. Đặc biệt, bất chấp sức ép từ các lệnh trừng phạt quốc tế, kim ngạch thương mại song phương năm 2024 vẫn ghi nhận mức tăng trưởng bùng nổ hơn 26% so với năm 2023, ước đạt 4,58 tỷ USD (với cán cân thương mại khá cân bằng: xuất khẩu 2,34 tỷ USD và nhập khẩu 2,25 tỷ USD) [20]. Sự tăng trưởng lội ngược dòng này một lần nữa khẳng định vai trò không thể thay thế của cộng đồng người Việt trong việc duy trì chuỗi cung ứng và đảm bảo tính ổn định của kinh tế khu vực.

Tuy nhiên, nhìn sâu vào cơ cấu thương mại, có thể thấy một thực tế rằng sự tăng trưởng này vẫn đang dựa dẫm quá nhiều vào các mặt hàng truyền thống như dệt may và thủy sản. Đây là một điểm cần lưu ý về tính bền vững. Hiện nay, trong bối cảnh nước Nga đang đối mặt với tình trạng thiếu hụt nguồn nhân lực trầm trọng, một dư địa mới đang mở ra: sự chuyển dịch từ các mô hình tiểu thương nhỏ lẻ sang việc xuất khẩu và cung ứng lao động có tay nghề cao vào các đặc khu kinh tế như Vladivostok. Đây chính là bước ngoặt chiến lược, kỳ vọng sẽ đưa vai trò kinh tế của cộng đồng người Việt lên một tầm cao mới, chuyên sâu và bền vững hơn.

4.3. Vai trò trong giao lưu văn hóa và xã hội

Trong không gian giao lưu văn hóa và đời sống tại vùng Viễn Đông, các lễ hội truyền thống đóng vai trò là nhịp cầu quan trọng đưa bản sắc Việt đến gần hơn với người dân bản địa. Những sự kiện quy mô như chương trình "Xuân Quê hương" tại Vladivostok vào các năm 2025 và 2026 đã trở thành không gian trình diễn văn hóa sinh động, nơi các nghi lễ truyền thống như gói bánh chưng, bày mâm ngũ quả và chúc Tết được tái hiện trọn vẹn. Theo ghi nhận của Báo Nhân Dân và Báo Thanh Hóa, các hoạt động này không chỉ giúp kiều bào vơi đi nỗi nhớ nhà mà còn thu hút đông đảo người dân Nga tham gia trải nghiệm, từ đó lan tỏa những giá trị nhân văn và phong tục tập quán đặc sắc của Việt Nam ra cộng đồng quốc tế [21], [22]. Sức sống của văn hóa Việt còn được thể hiện qua các lễ hội thường niên tại Đại học Tổng hợp Liên bang Viễn Đông, nơi các gian hàng văn hóa và trang phục Áo dài đã để lại ấn tượng sâu sắc về một Việt Nam thân thiện và giàu bản sắc [23].

Sự gắn kết này được duy trì và tiếp nối mạnh mẽ nhờ vai trò nòng cốt của các hội đoàn, tiêu biểu là Hội người Việt Nam tại tỉnh Primorye và các hội sinh viên tại các trường đại học lớn. Các tổ chức này không chỉ là điểm tựa tinh thần cho cộng đồng mà còn đóng vai trò là "mái nhà chung" để giáo dục thế hệ trẻ về cội nguồn thông qua việc duy trì tiếng Việt và các giá trị đạo đức truyền thống. Đặc biệt, lực lượng sinh viên tại các thành phố như Vladivostok hay Khabarovsk đã trở thành những sứ giả văn hóa trẻ tuổi, trực tiếp xây dựng hình ảnh Việt Nam năng động và trí tuệ trong mắt bạn bè Nga. Nghiên cứu [16] cũng khẳng định rằng cấu trúc cộng đồng người Việt tại Nga đang chuyển dịch theo hướng bền vững và chuyên nghiệp hơn, tạo nên một mạng lưới kết nối chặt chẽ giữa đời sống vi mô của từng cá nhân với mục tiêu chung là thúc đẩy sự hiểu biết lẫn nhau giữa hai dân tộc.

Quá trình hòa nhập xã hội của người Việt tại Nga đã có sự chuyển biến rõ rệt, từ vị thế của những người cư trú tạm thời sang một cộng đồng định cư bền vững và có đóng góp tích cực vào đời sống địa phương. Hình ảnh người Việt hiện lên trong mắt cộng đồng Nga không chỉ là sự cần cù trong lao động mà còn là sự chân thành, hiếu khách thông qua các hoạt động thiện nguyện và giao lưu thường nhật. Sự hiện diện ngày càng phổ biến của ẩm thực và các không gian văn hóa Việt đã làm mềm hóa những rào cản về ngôn ngữ, giúp người dân địa phương có cái nhìn thiện cảm và sâu sắc hơn về con người Việt Nam. Chính sự thẩm thấu văn hóa ở cấp độ đời sống vi mô này đã biến mỗi thành viên trong cộng đồng người Việt trở thành một "cầu nối" thầm lặng nhưng vững chắc, góp phần xây dựng hình ảnh một Việt Nam nhân văn, biết sẻ chia và có trách nhiệm với xã hội sở tại, từ đó củng cố nền tảng tin cậy cho mối quan hệ hữu nghị truyền thống giữa hai quốc gia.

4.4. Vai trò trong ngoại giao nhân dân

Trên mặt trận ngoại giao nhân dân, cộng đồng người Việt tại Viễn Đông đóng vai trò là mắt xích kết nối then chốt, bắc cầu giữa chính quyền địa phương và các đoàn thể nhân dân của hai nước. Với vị thế pháp lý ngày càng được củng cố và ổn định, kiều bào không chỉ dừng lại ở việc định cư mà đã chủ động tham gia hỗ trợ trực tiếp cho các đoàn xúc tiến thương mại, đầu tư và giao lưu văn hóa từ Việt Nam sang Nga. Chính sự am hiểu sâu sắc về hệ thống hành chính đặc thù cũng như tâm lý xã hội Nga đã giúp cộng đồng trở thành một kênh tư vấn tin cậy, đóng góp hiệu quả vào việc hóa giải những bất đồng hoặc rào cản văn hóa phát sinh trong quá trình hợp tác liên địa phương. Theo tinh thần Chỉ thị 12-CT/TW [9] và những ghi nhận từ thực tiễn [24], công tác người Việt ở nước ngoài đã đạt được những bước tiến dài trong việc chuyển hóa cộng đồng thành một nguồn lực đối ngoại chiến lược. Hoạt động của các hội đoàn tại địa bàn không chỉ tập trung bảo vệ quyền lợi chính đáng cho kiều bào mà còn góp phần xây dựng "thế trận lòng dân" vững chắc, khẳng định hình ảnh người Việt Nam như một bộ phận cư dân tích cực, có trách nhiệm đối với sự phát triển của cả quốc gia sở tại và quê hương.

Tương ứng với nỗ lực đó, về phía Nga, Chính phủ liên bang luôn dành sự coi trọng đặc biệt trong việc hỗ trợ và tạo điều kiện cho cộng đồng, nổi bật là chính sách đào tạo nguồn nhân lực trẻ. Với khoảng 1.000 suất học bổng được trao mỗi năm [25], Nga không chỉ giúp Việt Nam đào tạo thế hệ chuyên gia mới mà còn trực tiếp xây dựng nên lực lượng nòng cốt cho nền "ngoại giao nhân dân" trong tương lai. Đây chính là nguồn cung ứng nhân sự chất lượng cao, có khả năng xóa bỏ rào cản ngôn ngữ và kỹ thuật để trực tiếp vận hành các dự án kinh tế trọng điểm tại vùng Viễn Đông, đảm bảo tính kế thừa và bền vững cho mối quan hệ Đối tác chiến lược toàn diện.

5. Thách thức, triển vọng và hàm ý chính sách

5.1. Thách thức đối với cộng đồng người Việt Nam tại Viễn Đông nước Nga

Mặc dù đóng vai trò quan trọng, cộng đồng người Việt tại Viễn Đông vẫn đối mặt với những thách thức đa diện. Trước hết là khó khăn về pháp lý và cư trú; sự thay đổi thường xuyên trong quy định về hạn ngạch lao động và thủ tục cấp phép cư trú tại Nga gây rào cản cho việc ổn định đời sống lâu dài. Thứ hai, rào cản ngôn ngữ và hội nhập xã hội vẫn tồn tại ở nhóm lao động mới, làm hạn chế khả năng tiếp cận sâu vào hệ thống pháp luật và các dịch vụ công. Cuối cùng, biến động địa chính trị toàn cầu và các lệnh trừng phạt kinh tế đối với Nga đã gây ra sự đứt gãy trong chuỗi cung ứng và biến động tỷ giá, trực tiếp ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp kiều bào. Những yếu tố này đòi hỏi cộng đồng phải có sự điều chỉnh linh hoạt để thích ứng với bối cảnh mới.

5.2. Triển vọng nâng cao vai trò của cộng đồng người Việt tại vùng Viễn Đông nước Nga

Triển vọng phát triển của cộng đồng được củng cố bởi xu hướng hợp tác Việt - Nga ngày càng đi vào chiều sâu, đặc biệt sau các tuyên bố chung về tầm nhìn chiến lược đến năm 2030. Trong kỷ nguyên mới, ngoại giao nhân dân không còn là hoạt động hỗ trợ mà đã trở thành động lực chính để hiện thực hóa các cam kết kinh tế. Tiềm năng tại khu vực Viễn Đông vẫn còn rất lớn nhờ các chính sách ưu đãi của Nga như Cảng tự do Vladivostok [2]. Đây là cơ hội để cộng đồng người Việt chuyển dịch từ kinh doanh thương mại truyền thống sang các lĩnh vực công nghệ cao, nông nghiệp thông minh và logistics, khẳng định vai trò cầu nối không thể thay thế trong chuỗi giá trị Á - Âu.

5.3. Hàm ý và khuyến nghị chính sách

Trước hết, Nhà nước Việt Nam cần tiếp tục quán triệt và hoàn thiện khung pháp lý về bảo hộ công dân cũng như hỗ trợ kiều bào trên tinh thần của Kết luận số 12-KL/TW [7]. Trong đó, các cơ quan đại diện ngoại giao tại khu vực Viễn Đông đóng vai trò nòng cốt trong việc nâng cao hiệu quả tư vấn pháp luật và thiết lập các kênh liên kết trực tiếp giữa doanh nghiệp kiều bào với các địa phương trong nước. Song song với đó, việc đầu tư thiết lập các trung tâm ngôn ngữ và không gian văn hóa Việt Nam tại địa bàn không chỉ có ý nghĩa giữ gìn bản sắc cho thế hệ trẻ mà còn là công cụ sắc bén để đẩy mạnh ngoại giao văn hóa, từ đó gia tăng sức mạnh mềm quốc gia một cách bền vững.

Đứng từ góc độ quản lý sở tại, chính quyền nước Nga và vùng Viễn Đông nên xem xét việc tiếp tục cải cách, đơn giản hóa các thủ tục hành chính đồng thời xây dựng cơ chế đặc thù cho lao động Việt Nam có tay nghề. Việc kiến tạo một môi trường pháp lý minh bạch và ổn định sẽ là động lực quan trọng để kiều bào yên tâm chuyển dịch từ mô hình kinh doanh tự phát sang đầu tư dài hạn vào các dự án chiến lược tại các đặc khu kinh tế [2]. Sự nhất quán trong chính sách không chỉ giúp Nga giải quyết bài toán thiếu hụt nhân lực kinh niên tại Viễn Đông mà còn trực tiếp thúc đẩy sự thành công của các mô hình hợp tác liên vùng trong tương lai.

Về phía cộng đồng người Việt Nam tại Viễn Đông, mỗi cá nhân cần chủ động nâng cao trình độ chuyên môn cùng năng lực ngoại ngữ và sự am hiểu pháp luật bản địa để hội nhập sâu hơn vào dòng chảy kinh tế - xã hội Nga. Trong cấu trúc này, các hội đoàn người Việt phải khẳng định vai trò hạt nhân trong việc đoàn kết, định hướng kinh doanh bền vững và thực hiện tốt chức năng bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho thành viên. Việc tích cực tham gia các hoạt động thiện nguyện và trách nhiệm xã hội sẽ là phương thức hiệu quả nhất để cộng đồng xây dựng hình ảnh Việt Nam uy tín, văn minh, qua đó củng cố niềm tin chiến lược với chính quyền và nhân dân sở tại.

Cuối cùng, việc tăng cường các cơ chế phối hợp song phương thông qua các diễn đàn kinh tế thường niên giữa doanh nghiệp Việt Nam và lãnh đạo vùng Viễn Đông là yêu cầu tất yếu để kịp thời tháo gỡ các "điểm nghẽn" về logistics hay thanh toán quốc tế [10]. Việc xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu thị trường đa ngữ cùng các quỹ hỗ trợ khởi nghiệp dành riêng cho kiều bào sẽ tạo nên đòn bẩy đột phá cho quan hệ song phương. Những giải pháp đồng bộ này không chỉ phát huy tối đa tiềm lực của cộng đồng mà còn biến nguồn lực kiều bào thành động lực thực tiễn để đưa quan hệ Đối tác chiến lược toàn diện Việt - Nga phát triển tương xứng với tầm nhìn chiến lược trong kỷ nguyên mới.

6. Kết luận

Qua quá trình phân tích và đánh giá hệ thống, bài nghiên cứu đã hoàn thành mục tiêu làm rõ vai trò đa diện của cộng đồng người Việt Nam tại vùng Viễn Đông trong cấu trúc quan hệ Đối tác chiến lược toàn diện Việt - Nga. Kết quả nghiên cứu cho thấy, xuất phát từ những tiền đề lịch sử và sự định danh chính trị vững chắc trong các văn kiện của Đảng và Nhà nước, cộng đồng kiều bào đã chuyển mình mạnh mẽ từ vị thế những người nhập cư đơn thuần sang những chủ thể tích cực của ngoại giao nhân dân. Việc tổng hợp các cơ sở lý luận và thực tiễn cho thấy sự hiện diện của người Việt tại các địa bàn chiến lược như Vladivostok hay Khabarovsk không chỉ bù đắp sự thiếu hụt nguồn nhân lực tại chỗ cho Nga mà còn tạo ra các mắt xích quan trọng trong chuỗi cung ứng và logistics giữa hai quốc gia.

Nghiên cứu khẳng định cộng đồng người Việt tại Viễn Đông giữ vai trò chiến lược đặc biệt, là "cánh tay nối dài" của nền ngoại giao toàn diện Việt Nam trong kỷ nguyên mới. Trong bối cảnh Nga đẩy mạnh chính sách "Hướng Đông", kiều bào chính là lực lượng tiên phong hóa giải các rào cản về ngôn ngữ, văn hóa và thông tin thị trường, giúp dòng chảy đầu tư và thương mại song phương trở nên thông suốt hơn. Sức mạnh của cộng đồng không chỉ nằm ở các giá trị kinh tế trực tiếp mà còn ở khả năng lan tỏa "quyền lực mềm" thông qua việc bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc, tạo dựng lòng tin và sự thấu hiểu giữa nhân dân hai nước. Đây chính là nền tảng xã hội bền vững nhất giúp quan hệ Việt - Nga đứng vững trước những biến động phức tạp của tình hình địa chính trị toàn cầu.

Tuy nhiên, bài nghiên cứu cũng nhận diện những rào cản về pháp lý và các tác động khách quan từ kinh tế quốc tế đang đặt ra những thách thức mới cho sự phát triển của cộng đồng. Vì vậy, các hướng nghiên cứu tiếp theo có thể tập trung đi sâu vào phân tích sự chuyển dịch của các mô hình kinh doanh kiều bào trong kỷ nguyên kinh tế số, hoặc đánh giá tác động của các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới đối với hoạt động của doanh nghiệp Việt tại Nga. Đồng thời, việc nghiên cứu các giải pháp cụ thể nhằm thu hút nguồn lực trí thức Việt kiều tham gia vào các dự án công nghệ cao tại Viễn Đông cũng là một hướng đi đầy triển vọng, góp phần đưa mối quan hệ đối tác giữa hai nước lên những tầm cao mới thực chất và hiệu quả hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Ministry of Foreign Affairs of Vietnam, *Joint Statement on Deepening the Vietnam - Russian Federation Comprehensive Strategic Partnership*, Hanoi, 2024.

[2] V. Putin, “Address to the Federal Assembly”, *en.kremlin.ru*, 2013. [Online]. Available: en.kremlin.ru [Accessed: Feb. 06, 2026].

[3] A. Torkunov, D. Streltsov, and E. Koldunova, “Russia’s Pivot to the East: Achievements, Problems, and Prospects”, *Polis. Political Studies*, vol. 30, no. 5, pp. 8–21, 2020.

[4] T. The, "Promoting cooperation between Vietnam and the Russian Federation in the Far East region", *External Relations Magazine*, 2023.

[5] S. V. Ryazantsev, R. V. Manshin, E. M. Moiseeva, and V. N. Pinchuk, "Migration of people from Vietnam: specific features and opportunities for Russia", *The Russian Journal of Vietnamese Studies*, vol. 3, no. 2, pp. 29–43, 2019.

[6] Politburo, Resolution No. 36-NQ/TW dated March 26, 2004 on work for overseas Vietnamese, 2004.

[7] Politburo, Conclusion No. 12-KL/TW dated August 12, 2021 on the continued implementation of Resolution No. 36-NQ/TW of the 9th Politburo on work for overseas Vietnamese, 2021.

[8] National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam, *Law on Vietnamese Nationality No. 24/2008/QH12*, 2008.

[9] Secretariat, Directive No. 12-CT/TW dated January 5, 2022 on strengthening the Party's leadership and improving the efficiency of people-to-people diplomacy in the new situation, 2022.

[10] N. T. Son, "Building a comprehensive and modern diplomacy to serve economic development in the country's new era", *State Management Review*, no. 353, pp. 28–33, 2025.

[11] T. Nhu, "China and sophisticated investment moves under the guise of investment and cooperation", *Women Online*, 2019. [Online]. Available: https://www.phunuonline.com.vn/longform/trung-quoc-va-nuoc-co-dau-tu-tinh-vi-duoi-vo-boc-dau-tuhop-tac-a50.html [Accessed: Feb. 06, 2026].

[12] G. Christoffersen, Ed., *Russia in the Indo-Pacific: New Approaches to Russian Foreign Policy.* London: Routledge, 2021.

[13] N. V. Tan, "China - Russian Federation Relations (2012 - 2024)", *Doctoral dissertation, Faculty of Oriental Studies, University of Social Sciences and Humanities, Vietnam National University, Hanoi*, 2025.

[14] D. L. H. Giang, *Vietnam - Russian Federation Comprehensive Strategic Partnership in the New Context*. Hanoi: National Political Publishing House, 2021.

[15] National Investment Agency, "Development of the Russian Far East and the Arctic: 2023 Performance", *Invest in Regions*, Feb. 2024. [Online]. Available: https://www.investinregions.ru/en/analytics/a/materials-86814/ [Accessed: Feb. 06, 2026].

[16] S. V. Ryazantsev, L. D. Anh, H. P. Huy, and E. M. Moiseeva, "Overseas vietnamese in Russia and their contributions to the promotion of bilateral relations", *The Russian Journal of Vietnamese Studies*, vol. 6, no. 3, pp. 34–45, 2022.

[17] T. Hong, "Vietnamese people in the Russian Far East overcome the COVID-19 pandemic", *TTXVN/VietnamPlus*, 2021. [Online]. Available: https://www.vietnamplus.vn/nguoi-viet-tai-vung-vien-dong-nuoc-nga-vuot-qua-dai-dich-covid-19-post699007.vnp [Accessed: Feb. 06, 2026].

[18] N. H. Thanh, "Far East - a potential destination for Vietnamese enterprises", *VietnamPlus*, 2024. [Online]. Available: https://www.vietnamplus.vn/vien-dong-diem-den-tiem-nang-cho-doanh-nghiep-viet-nam-post960006.vnp [Accessed: Feb. 06, 2026].

[19] Government News, "TH Group starts dairy project in Far East, Russian Federation", *baochinhphu.vn*, May 22, 2024. [Online]. Available: https://baochinhphu.vn/tap-doan-th-khoi-cong-du-an-sua-tai-vien-dong-lien-bang-nga-102240522170921131.htm [Accessed: Feb. 06, 2026].

[20] "Strong growth in Vietnam - Russian Federation bilateral trade", *VietnamPlus*, Jan. 20, 2025. [Online]. Available: https://www.vietnamplus.vn/thuong-mai-song-phuong-viet-nam-lien-bang-nga-tang-truong-manh-me-post1007409.vnp [Accessed: Feb. 06, 2026].

[21] Nhan Dan Newspaper, "Vietnamese people in the Russian Far East look towards their homeland and country", *nhandan.vn*, Jan. 25, 2025. [Online]. Available: https://nhandan.vn [Accessed: Feb. 06, 2026].

[22] Thanh Hoa Newspaper, "The Vietnamese community in the Far East region looks towards their homeland and country", *baothanhhoa.vn*, Jan. 30, 2026. [Online]. Available: https://baothanhhoa.vn [Accessed: Feb. 06, 2026].

[23] Vietnam+, "Spreading Vietnamese traditional culture in the Russian Far East", *vietnamplus.vn*, Apr. 28, 2024. [Online]. Available: https://www.vietnamplus.vn/lan-toa-van-hoa-truyen-thong-cua-viet-nam-tai-vung-vien-dong-nuoc-nga-post942667.vnp [Accessed: Feb. 06, 2026].

[24] VietnamPlus, "Overseas Vietnamese affairs: Connecting expatriates, spreading the power of unity", *vietnamplus.vn*, 2025. [Online]. Available: https://www.vietnamplus.vn [Accessed: Feb. 06, 2026].

[25] National Foundation for Science and Technology Development (NAFOSTED), "Vietnam - Russian Federation: Strengthening cooperation in science and education", *nafosted.gov.vn*, Jun. 20, 2024. [Online]. Available: https://nafosted.gov.vn/viet-nam-lien-bang-nga-tang-truong-hop-tac-khoa-hoc-giao-duc/ [Accessed: Feb. 06, 2026].

[26] 13th National Party Congress, *Documents of the 13th National Party Congress, Volume I*. Hanoi: National Political Publishing House, 2021.